

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 09/10/2017

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	846	P5+TD2+PPD	7:25	3+17+2	0+0+0		0+19+3	0+0+0	
2	426	RCDM+RC6+RP1	7:25	8+5+9	0+0+0		5+8+9	0+0+0	
3	424	RC5+RP2	7:25	13+9	0+0		8+14	0+0	
4	846	AMD+RP2	9:25	2+20	0+0		0+22	0+0	
5	426	TD2+RP1	9:25	4+18	0+0		0+22	0+0	
6	424	CTK3+BK16-RP3	9:25	2+20	0+0		2+20	0+0	
7	846	RC3+RC4+RP1	11:25	8+10+1	0+0+0		6+8+7	0+0+0	
8	426	RP3+RCDM+RC5	11:25	14+8+0	0+0+0		12+5+5	0+0+0	
9	424	RP2+P5	11:25	22+0	0+0		19+3	0+0	
10	614	T.UNG	11:00	16	0		16	0	

TTBDSX

Ghi Chú : 1/ Đi về trong ngày P5-3ng ATC4, RP1-4ng ATC4, RCDM-4ng ATC3, RC5-5DH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/10/2017	TO: RC5 - RP2	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Bằng - PHÚ - CƯỜNG	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HỒNG ĐẠI	RC5	80	1	4		72	D-HANH	Vietnamese
2	CÚ ĐỨC CHÍNH	RC5					83	D-HANH	Vietnamese
3	SAVELEV	RC5	74	1	4		100	D-HANH	Russian
4	NGUYỄN QUANG THĂNG	RC5					70	D-HANH	Vietnamese
5	NGUYỄN TIẾN DŨNG	RC5	76	1	6		60	D-HANH	Vietnamese
6	CAO THANH HỢP	RC5	75	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ VĂN ĐẠI	RC5	78	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ VĂN ĐÔNG	RC5	82	1	2		72	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM VĂN THUẬN	RC5	84	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐÌNH LỘC	RC5	77	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐÌNH VĂN LIÊN	RC5	83	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TIẾN HỒNG	RC5	81	1	6	40	50	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	RC5	79	1	10		74	PSV	Vietnamese
14	DAVUDOV D.S	RP2	68	1	7		64	KHOAN	Russian
15	TRẦN HUY HOÀNG	RP2	67	1	5		72	YTE	Vietnamese
16	PHẠM VĂN THUY	RP2	69	1	6		80	NHA THAU	Vietnamese
17	VŨ TRỌNG HẠCH	RP2	70	1	7	18	72	KHOAN	Vietnamese
18	ĐẠO DANH THANH	RP2	66	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
19	VŨ CAO BANG	RP2	63	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HUY THAI	RP2					72	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN QUANG HAO	RP2	64	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	RP2	65	1	5		75	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	13	11	63	917	40	8		
2	RP2	9	8	43	668	18	14		
TOTAL		22	19	106	1.585	58	22		
WEIGHT KG				106	1.585	58			

GRAND TOAL: 1.749 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/10/2017	TO: P5 - TD2 - PPD	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Khang - TUYỀN -	ETA: 09:10
XANH-1		DKHANH	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHU VĂN LƯƠNG	P5	86	1	2		68	D-HANH	Vietnamese
2	BAEV	P5					85	D-HANH	Russian
3	PHAN ĐỨC TUÂN	P5	87	1	4		77	D-HANH	Vietnamese
4	LE VAN NGHIA	TD2	58	1	10	60	69	KHOAN	Vietnamese
5	LE QUỐC TOÀN	TD2	68	1	4		57	KHOAN	Vietnamese
6	VU MẠNH THĂNG	TD2	63	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
7	BUI NGOC DUNG	TD2	61	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN THANH ANH	TD2	57	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN THANH TUYEN	TD2	65	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM CONG NEN	TD2	56	1	7		77	KHOAN	Vietnamese
11	PHAN MANH CUONG	TD2	64	1	4	11	77	KHOAN	Vietnamese
12	LE ANH QUAN	TD2	60	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
13	PHAM THANH GIANG	TD2	55	1	4		73	KHOAN	Vietnamese
14	PHAM VAN THANG	TD2	66	1	2		77	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN CONG LY	TD2	62	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
16	MAI HAI LONG	TD2	69	1	7		78	KHOAN	Vietnamese
17	HO CHI CONG	TD2	54	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
18	DUONG CONG LUONG	TD2	72-74	3	15		68	CODIEN	Vietnamese
19	TRAN XUAN THIEN	TD2	70	1	6	32	60	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYEN HUU VIET	TD2	59	1	15		61	DVL	Vietnamese
21	PHAM LINH TUNG	PPD	32	1	8	40	80	KHI	Vietnamese
22	NGUYEN TIEN DUAN	PPD	28-29	2	12		65	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	3	2	6	230	0	0		
2	TD2	17	19	109	1.201	93	19		
3	PPD	2	3	20	145	40	3		
TOTAL		22	24	135	1.576	143	22		
WEIGHT KG				135	1.576	143			

GRAND TOAL: 1.854 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09-Oct-17	TO: RCDM - RC6 - RP1	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Nam - MTHAO - THU	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU QUANG TUYEN	RCDM	95	1	8		76	KH-THAC	Vietnamese
2	CU NGOC BAN	RCDM	93	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐANG VAN THANH	RCDM	91	1	3	40	75	KH-THAC	Vietnamese
4	LE XUAN TUYEN	RCDM					67	KH-THAC	Vietnamese
5	VU MINH PHUONG	RCDM	94	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
6	KUZMENKO T	RCDM	97	1	2		79	KH-THAC	Russian
7	TARGANOV	RCDM	96	1	3		86	ANTOAN	Russian
8	VO VAN THANH	RCDM	92	1	10		67	PSV	Vietnamese
9	TRAN NGOC CHINH	RC6					75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN TRUNG TIN	RC6	58	1	8		94	KH-THAC	Vietnamese
11	DUONG NHAT THANH	RC6	53	1	10	41	75	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐO QUỐC HUY	RC6	54-55	2	10		74	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VIET HA	RC6	56-57	2	17		75	PSV	Vietnamese
14	CAO TUNG SON	RP1					77	D-HANH	Vietnamese
15	PHAM VAN NAM	RP1					68	D-HANH	Vietnamese
16	HOANG GIANG LAM	RP1					83	D-HANH	Vietnamese
17	ĐO HIỆP PHU	RP1					55	D-HANH	Vietnamese
18	NGUYEN VAN ĐAI	RP1	55	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
19	VUONG VAN THONG	RP1	52-53	2	7		63	YTE	Vietnamese
20	TRAN TUAN ANH	RP1	50	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐO ĐỨC VƯỢNG	RP1	51	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN DINH NGU	RP1	54	1	6		57	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	8	7	33	576	40	5		
2	RC6	5	6	45	393	41	8		
3	RP1	9	6	31	626	0	9		
TOTAL		22	19	109	1.595	81	22		
WEIGHT KG				109	1.595	81			

GRAND TOAL: 1.785 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/10/2017	TO: TD2 - RP1	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:35
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Nam - MTHAO - THU	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HỮU HA	TD2	17	1	10		70	DVL	Vietnamese
2	VUÔNG KIẾN QUỐC	TD2	16	1	5	16	75	DVL	Vietnamese
3	NGUYỄN VŨ QUỐC	TD2	18	1	9		65	DVL	Vietnamese
4	LUƠNG NGỌC HOANG	TD2	15	1	6		72	DVL	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU THẬU	RP1	57	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI VAN THAI	RP1	65	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
7	TRƯƠNG CÔNG THANH	RP1	63	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP1	59	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ TRI KHANH	RP1	56	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐINH VĂN THÔNG	RP1	73	1	11		77	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG ĐÌNH THẮNG	RP1	71	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐÌNH THAM	RP1	67-68	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
13	TẠNG THANH DAN	RP1	66	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
14	HA QUỐC HOAN	RP1	58	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐINH VĂN MẠNH	RP1	70	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẶNG VŨ NHẬT VINH	RP1					73	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN QUANG THÔNG	RP1	60-61	2	18	30	67	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN TRỌNG HIẾU	RP1	72	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM BA TÀI	RP1	69	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN THANH CÔNG	RP1	0				62	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐỖ VĂN THANH	RP1	64	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
22	TRƯƠNG ĐÌNH VĂN	RP1	62	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	4	4	30	282	16	0		
2	RP1	18	18	116	1.273	30	22		
TOTAL		22	22	146	1.555	46	22		
WEIGHT KG				146	1.555	46			

GRAND TOAL: 1.747 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09-Oct-17	TO: AMD - RP2	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Khang - TUYỀN -	ETA: 11:10
XANH-2		DKHANH	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN LỢI	AMD	29	1	5	20	58	KH-THAC	Vietnamese
2	JOY JOHNSEN	AMD	33-34	2	18		82	KH-THAC	Norway
3	LÊ HUY TUYỀN	RP2	76	1	7		54	KHOAN	Vietnamese
4	VŨ TIẾN DŨNG	RP2	74	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
5	TRỊNH CAO TRỌNG	RP2	78	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG DŨNG	RP2					81	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN THIÊN TUÂN	RP2	75	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM VĂN SƠN	RP2	77	1	6		55	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM VĂN LÂM	RP2	73	1	6		64	KHOAN	Vietnamese
10	BUI TIẾN DŨNG	RP2	90	1	12		74	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN ĐỨC KHANG	RP2	81	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
12	TARASENKO ALECHXAY	RP2	80	1	10		78	KH-THAC	Russian
13	NGUYỄN VĂN HIẾU	RP2	79	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐINH XUÂN GIANG	RP2	82	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN LIÊM	RP2	83	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN ĐỨC TRƯỞNG	RP2	84	1	5		46	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	86	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
18	CAO VĂN KIM	RP2	89	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HUNG CUÔNG	RP2	85	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ LAM	RP2	88	1	2		72	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐO ĐỨC CUÔNG	RP2					80	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐO VĂN DŨNG	RP2	87	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	2	3	23	140	20	0		
2	RP2	20	18	102	1.371	0	22		
TOTAL		22	21	125	1.511	20	22		
WEIGHT KG				125	1.511	20			

GRAND TOAL: 1.656 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/10/2017	TO: CTK3 - BK16 - RP3	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:40
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Bằng - PHÚ - CƯỜNG	ETA: 11:20
HONG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NG. THANH VŨ	CTK3	12	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM HOANG LONG	CTK3	13	1	7	50	74	NIPI	Vietnamese
3	PLATUNOV V.A.	RP3	92	1	4		84	KH-THAC	Russian
4	TRẦN VĂN MINH	RP3	73	1	5		86	YTE	Vietnamese
5	NGUYỄN TRI CHUNG	RP3	96	1	3		52	KH-THAC	Vietnamese
6	VÔ HỒ HAI	RP3	600	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐỖ QUANG TÔ	RP3	52	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	RP3	96	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
9	CAO ĐỨC THANH	RP3	98	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH TUNG *TT	RP3	97	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN GIA THIÊN	RP3	94	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN SỸ ĐIẾP	RP3	91	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG VAN HOI	RP3	50	1	3		59	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM QUỐC CHÈ	RP3	97	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM VĂN ĐỒNG	RP3	99	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM DUY NHIÊN	RP3	72	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN HỮU MẬU	RP3	95	1	11		67	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HIÊN	RP3	51	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN VĂN TIẾN	RP3	98	1	2		73	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH BÌNH	RP3	93	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
21	VÔ THANH LAM	RP3	90	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐẶNG HẢI HÀ	RP3	48	1	15	20	75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	2	2	12	151	50	1		
2	BK16	0	0	0	0	30	1		
3	RP3	20	20	104	1.390	20	20		
TOTAL		22	22	116	1.541	100	22		
WEIGHT KG				116	1.541	100			

GRAND TOAL: 1.757 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09-Oct-17	TO: RP3 - RCDM - RC5	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:35
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: HUNG - Nam - THU	ETA: 13:15
NAU-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TAN TRONG	RP3	96	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN THUC KHAI	RP3	97	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
3	LE CONG HUNG	RP3					73	KH-THAC	Vietnamese
4	HUYNH TAN NGON	RP3	95	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN QUY HAI	RP3	06	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
6	GIA QUANG VU	RP3	05	1	2		81	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VIET KY	RP3	98	1	6		67	KHI	Vietnamese
8	PHAM HONG VUON	RP3	07	1	7		70	XAYLAP	Vietnamese
9	PHUNG THE TAI	RP3	02	1	17		62	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN TRUNG SY	RP3	03	1	11		56	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN NGOC MINH	RP3	04	1	12		80	XAYLAP	Vietnamese
12	VO NGOC CHINH	RP3	93-94	2	10		70	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN THANH NAM	RP3	99,900	2	20		77	XAYLAP	Vietnamese
14	HUYNH TRONG PHUC	RP3	400	1	5		57	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN VAN LA	RCDM	92	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN NANG	RCDM	90	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN TRUONG TUNG	RCDM	94	1	14		69	KH-THAC	Vietnamese
18	TA NGOC THANH	RCDM	100	1	14		72	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN THANH TAM	RCDM	91	1	14		84	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN QUOC TRI	RCDM	89	1	9	79	70	KH-THAC	Vietnamese
21	VU CHI CONG	RCDM	93	1	8		53	KH-THAC	Vietnamese
22	HOANG MINH HAI	RCDM	95-96	2	13	30	78	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	14	15	107	957	0	12		
2	RCDM	8	9	87	571	109	5		
3	RC5	0	0	0	0	20	5		
TOTAL		22	24	194	1.528	129	22		
WEIGHT KG				194	1.528	129			

GRAND TOAL: 1.851 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/10/2017	TO: RC3 - RC4 - RP1	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:30
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Khang - CHIÊN - DKHÁNH	ETA: 13:10
vang-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ LÊ TRUNG	RC3	03	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
2	DUƠNG MINH KHANH	RC3	07-08	2	13	80	55	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM THẾ MẠNH	RC3				33	78	KH-THAC	Vietnamese
4	NGO KHANH NAM	RC3	04	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI SY HIEU	RC3	05	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐO XUAN LỢI	RC3	10	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI VAN TUAN	RC3	09	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ VAN QUYEN	RC3	06	1	3		54	GETRACO	Vietnamese
9	LÊ HUU HA	RC4	25	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN QUANG BÌNH	RC4	23	1	3		84	KH-THAC	Vietnamese
11	TRỊNH VĂN TIẾN	RC4	26	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN CÔNG HÙNG	RC4	24	1	6		53	KH-THAC	Vietnamese
13	HUYNH MINH TRÍ	RC4	22	1	5	70	50	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN ĐỨC	RC4	31	1	12		76	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ HỒNG LINH	RC4	30	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN QUỐC HÙNG	RC4	29	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM HỒNG PHONG	RC4	28	1	12		60	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN QUỐC VIỆT	RC4	27,37	2	18		58	PSV	Vietnamese
19	BUI MINH DUONG	RP1	77-78	2	20		68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	8	8	46	542	113	6		
2	RC4	10	11	84	682	70	8		
3	RP1	1	2	20	68	0	8		
TOTAL		19	21	150	1.292	183	22		
WEIGHT KG				150	1.292	183			

GRAND TOAL: 1.625 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/10/2017	TO: BK THIEN UNG	AIRCRAFT: 614	ETD: 11:00
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: HLONG - Dũng	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM MINH TUẤN	BK THIE	80	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
2	AVASIAN C.R.	BK THIE	65	1	6	23	89	KH-THAC	Russian
3	NGUYEN QUANG TUYEN	BK THIE	75	1	9		63	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG VAN BIEN	BK THIE	79	1	5	50	76	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI TRỌNG SƠN	BK THIE	73-74	2	17		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN MINH TRI	BK THIE	70	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
7	KHONG THAI BINH	BK THIE	77	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM HỒNG SƠN	BK THIE	69	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN ĐAN	BK THIE	78	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ TIEN VINH	BK THIE	64	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN KHAC SANG	BK THIE	76	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM THANH TUNG	BK THIE					65	KH-THAC	Vietnamese
13	K'LY	BK THIE	63	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ QUANG THÔNG	BK THIE					74	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN BA PHƯƠNG	BK THIE	67-68	2	10		64	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐO ĐẠNG THANH	BK THIE	66	1	4		62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

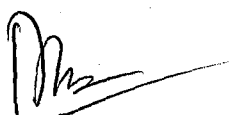
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK THIEN UNG	16	16	91	1.107	73	16		
	TOTAL	16	16	91	1.107	73	16		
	WEIGHT KG			91	1.107	73			

GRAND TOAL: 1.271 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



Fuel: 1800 kg (phi)



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/10/2017	TO: RP2 - P5	AIRCRAFT: 424	ETD: 11:40
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Bằng - PHÚ - CƯỜNG	ETA: 13:20
trang-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LƯU VĂN ĐIỀN	RP2	25-26	2	13		67	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN DUY HUNG	RP2	79	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ HỮU QUAN	RP2	29	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN XUÂN SAU	RP2	30	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI VIỆT PHƯƠNG	RP2	35	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐOÀN KIM NGÂN	RP2	31	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM TRUNG KIẾN	RP2	27	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI NGỌC THÂN	RP2					75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN XUÂN HAI	RP2	83	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ ĐỨC HUNG	RP2	80	1	9		85	KH-THAC	Vietnamese
11	DƯƠNG CÔNG AN	RP2	81	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
12	NGO QUANG THẮNG	RP2	89	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	RP2	90	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ VIỆT TRƯỞNG	RP2	33	1	10	12	65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC CHÂN	RP2	84	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TIẾN TUỆ	RP2	87	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ ĐÌNH QUANG	RP2	85	1	10		72	DVL	Vietnamese
18	LÀ QUÝ DANH	RP2	86	1	6	14	62	DVL	Vietnamese
19	TRẦN VĂN SƠN	RP2	32	1	5		60	GETRACO	Vietnamese
20	VÔ THANH NHẬT	RP2	82	1	5		77	GETRACO	Vietnamese
21	LÊ VĂN CHINH	RP2	28	1	3		60	GETRACO	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN BAN	RP2	88	1	9		67	NHATHAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	22	22	141	1.506	26	19		
2	P5	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	22	141	1.506	26	22		
WEIGHT KG				141	1.506	26			

GRAND TOAL: 1.673 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LĐ VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 10/10/2017

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	406	P2+BK4+TD5	7:25	8+0+14	0+0+0		1+2+19	0+0+0	
2	846	PVD2+RP2+VSP02	7:25	17+5+0	0+0+0		14+5+3	0+0+0	
3	424	P4+CLO+PVD2	7:25	11+10+1	0+0+0		3+4+15	0+0+0	
4	406	TD3+JS2+TD2	9:25	22+0+0	0+0+0		14+4+4	0+0+0	
5	846	PVD2+TD1+P9	9:25	16+5+0	0+0+0		16+0+1	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/10/2017	TO: P2 - BK4 - TD5	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Phong - DUONG - Luy -	ETA: 09:10
XANH-1		Toan	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUANG HUY	P2	10	1	9		80	D-HANH	Vietnamese
2	ARTIEMOV	P2	06	1	5		90	D-HANH	Russian
3	PORTNOV	P2	07	1	5		70	D-HANH	Russian
4	LUYEN CONG CHIEN	P2	03	1	5		55	D-HANH	Vietnamese
5	YAKUNHIN	P2	01-02	2	8		101	D-HANH	Russian
6	NGUYEN VAN LAM	P2	08	1	10		88	D-HANH	Vietnamese
7	AFANASYEV N.K.	P2	09	1	5		90	KH-THAC	Russian
8	RACHAN BOONRUENGSAK	P2	04-05	2	17		75	KHI	Thailand
9	LE MANH THANG	TD5	05	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
10	ALEKSANDROV A.A	TD5	11	1	2		90	KHOAN	Russian
11	SHEVCHENKO DMITRY	TD5	12	1	8		90	KHOAN	Russian
12	DOAN MANH CUONG	TD5	01-02	2	15		70	YTE	Vietnamese
13	PHAM VAN BINH	TD5	07	1	9		83	KHOAN	Vietnamese
14	LE ANH MINH	TD5	09	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN TAN VINH	TD5	14-15	2	17		80	KHOAN	Vietnamese
16	PHAN VIET HUNG	TD5	10	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN XUAN THANH	TD5	04	1	10		56	KHOAN	Vietnamese
18	MAI TRUONG TRUNG	TD5	08	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
19	LE ANH NGUYEN	TD5	06	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN VAN HIEN	TD5	03	1	2	24	62	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN NGOC THACH	TD5	16	1	9		70	KHOAN	Vietnamese
22	BUI THAI BAN	TD5	13	1	7		65	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	8	10	64	649	0	1		
2	BK4	0	0	0	0	50	2		
3	TD5	14	16	107	990	24	19		
TOTAL		22	26	171	1.639	74	22		
WEIGHT KG				171	1.639	74			

GRAND TOAL: 1.884 KGS

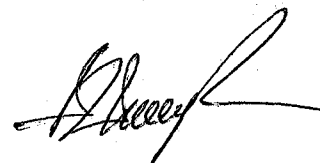
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 10-Oct-17	TO: PVD2 - RP2 - VSP02	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Lhài - TRƯỜNG - HIẾU	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	WAYNE ELSOM	PVD2	22-23	2	18		95	KHOAN	British
2	ERNIEST GLASS	PVD2	34	1	10	30	85	KHOAN	American
3	NGUYEN HUY HOANG	PVD2	31	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
4	HỒ XUÂN TUYẾN	PVD2	38	1	11		70	KHOAN	Vietnamese
5	BUI TRỌNG TOÀN	PVD2	39	1	8		80	KHOAN	Vietnamese
6	RICHARD HUGHES (TAFF)	PVD2	28-29	2	18		78	KHOAN	British
7	HOANG TRONG CHUC	PVD2	20	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
8	EMILIO TUL	PVD2	33	1	8		74	KHOAN	Slovenia
9	MIKE TAMA	PVD2	26	1	16		100	KHOAN	N.Z
10	VU THANH PHONG	PVD2	25	1	12		78	KHOAN	Vietnamese
11	LE QUANG TRUONG	PVD2	24	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN CHI THANG	PVD2	37	1	8		74	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN MANH	PVD2	21	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN ANH HUNG	PVD2	27	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG VAN CAO	PVD2	46	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN THE DUONG	PVD2	32	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
17	TRAN NGOC KHANH	PVD2	30	1	7		91	KHOAN	Vietnamese
18	PAVLENKOV	RP2	32	1	5		95	D-HANH	Russian
19	TRAN ANH TUAN	RP2	86	1	5		74	D-HANH	Vietnamese
20	LÊ TIẾN DŨNG	RP2	85	1	3		67	D-HANH	Vietnamese
21	YATSENKO	RP2	30	1	4		98	D-HANH	Russian
22	BUI VAN TUAN	RP2	31	1	5		54	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	17	19	152	1.304	30	14		
2	RP2	5	5	22	388	0	5		
3	VSP02	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	24	174	1.692	30	22		
WEIGHT KG				174	1.692	30			

GRAND TOAL: 1.896 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/10/2017	TO: P4 - CLO - PVD2	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Bằng - PHÚ - CUÔNG	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VIET ANH	P4	02	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
2	VSHIVKOV	P4	15-16	2	16		85	D-HANH	Russian
3	HOANG ANH TUAN	P4	05	1	6	27	82	D-HANH	Vietnamese
4	ĐO DUY ĐÔNG	P4	01	1	9		70	D-HANH	Vietnamese
5	SHEREMENTIEV	P4	17	1	8		80	D-HANH	Russian
6	BAMBUROV	P4	14	1	17		99	KH-THAC	Russian
7	TRẦN CÔNG ĐỊNH	P4	11	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ TRỌNG HÙNG	P4	12	1	10		78	XAYLAP	Vietnamese
9	HOANG VAN THANG	P4	06-07	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
10	PHẠM NGỌC HOÀ	P4	08-09	2	13		66	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC QUANG	P4	03-04	2	17		72	XAYLAP	Vietnamese
12	VOSKOBOINIK	CLO	66	1	5		138	D-HANH	Russian
13	DUƠNG HÙNG VI	CLO	61	1	3		77	D-HANH	Vietnamese
14	IVANOV	CLO	63	1	6		89	D-HANH	Russian
15	VO XUAN	CLO	64	1	6		85	D-HANH	Vietnamese
16	KRAINOV I.S	CLO	62	1	8		82	KHOAN	Russian
17	LÊ MINH HOANG	CLO	65	1	3		82	KHOAN	Vietnamese
18	VŨ NGỌC TỰ	CLO	71	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
19	TRỊNH HỮU CÂN	CLO	70	1	14	33	69	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN MẠNH THƯỢNG	CLO	69	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ TRỌNG NHIÊN	CLO	67-68	2	10		50	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI VAN KIEU	PVD2	06	1	10		69	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	11	15	131	835	27	3		
2	CLO	10	11	72	822	33	4		
3	PVD2	1	1	10	69	0	15		
TOTAL		22	27	213	1.726	60	22		
WEIGHT KG				213	1.726	60			

GRAND TOAL: 1.999 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/10/2017	TO: TD3 - JS2 - TD2	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Phong - DUONG - Luy - Toan	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	AFANASHEV I.IU	TD3	27	1	9		90	KHOAN	Russian
2	LE ANH XUAN	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
3	PHAN HAI NAM	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
4	PHAM VAN THIET	TD3	41	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
5	BUI HUU VUNG	TD3	48	1	12		70	KHOAN	Vietnamese
6	DOAN QUANG BAC	TD3	26	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
7	NGO VAN KIEM	TD3	49	1	6	70	70	KHOAN	Vietnamese
8	LUU VAN SON	TD3	29	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
9	DO THANH HAI	TD3	34	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN HUNG QUAN	TD3	28	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
11	VU BA THUAN	TD3	43	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
12	DZUCK	TD3	38	1	15		90	KH-THAC	Rus
13	PHAN QUANG VU	TD3	44	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
14	LAI ANH TUAN	TD3	47	1	12		100	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN NAM	TD3	42	1	10		70	DVL	Vietnamese
16	TRAN VAN THUAT	TD3	25	1	11		70	DVL	Vietnamese
17	TRAN TANG VUONG	TD3	30	1	15		60	XAYLAP	Vietnamese
18	DANG TRONG THAO	TD3	36-37	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
19	LE PHUC HOANG	TD3	35	1	15		85	XAYLAP	Vietnamese
20	TRAN VIET CUONG	TD3	32-33	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese
21	LE HUY	TD3	50-51	2	17		67	XAYLAP	Vietnamese
22	HOANG SY THAP	TD3	31	1	5		78	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	22	23	213	1.615	70	14		
2	JS2	0	0	0	0	0	4		
3	TD2	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	23	213	1.615	70	22		
WEIGHT KG				213	1.615	70			

GRAND TOAL: 1.898 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/10/2017	TO: PVD2 - TD1 - P9	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:35
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Lhài - TRƯỜNG - HIẾU	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUANG THINH	PVD2	16	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN KHAC DAO	PVD2	19	1	6		59	KHOAN	Vietnamese
3	DANG VIET HUNG	PVD2	08-09	2	10		66	KHOAN	Vietnamese
4	PHAM TAN NHUT	PVD2	22	1	7		102	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN DANH PHONG	PVD2	10	1	4		73	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN DONG HAI	PVD2	23	1	3		59	KHOAN	Vietnamese
7	BUI XUAN DIEP	PVD2	28	1	7		69	KHOAN	Vietnamese
8	DO HOAI NAM	PVD2	29	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
9	PHAN XUAN LONG	PVD2	30	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN VAN NAM	PVD2	11-13	3	15		64	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN QUOC HUNG	PVD2	14-15	2	15		75	KHOAN	Vietnamese
12	PHAM VAN THAI	PVD2	17-18	2	18		79	KHOAN	Vietnamese
13	KO KO OO	PVD2	20-21	2	20		80	KHOAN	Myanmar
14	BUI VAN THIEN	PVD2	24-25	2	19		89	KHOAN	Vietnamese
15	BUI QUANG TUYNH	PVD2	26	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN VAN TAN	PVD2	27,31	2	15		65	KHOAN	Vietnamese
17	TRAN TRINH QUOC VUONG	TD1	97-98	2	16	55	70	KHOAN	Vietnamese
18	DUONG QUOC VIET	TD1	96	1	9		63	KHOAN	Vietnamese
19	NGO VAN SON	TD1	99	1	9	30	78	KHOAN	Vietnamese
20	LE HAI NGAN	TD1	700	1	8		56	KHOAN	Vietnamese
21	MAI THE HIEN	TD1	95	1	7		98	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	16	24	161	1.147	0	16		
2	TD1	5	6	49	365	85	0		
3	P9	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		21	30	210	1.512	85	17		
WEIGHT KG				210	1.512	85			

GRAND TOAL: 1.807 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN